

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2026/HS-ST
Ngày: 04/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Lệ
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Vân Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2026/TLST-HS ngày 05/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2026/QĐXXST-HS ngày 09/02/2026, đối với bị cáo:

Trương Thanh T; tên gọi khác: không; sinh năm 1987 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi thường trú: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn R (đã chết) và bà Dương Thị T1 (đã chết); Có vợ Nguyễn Thị M (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 03/12/2025; hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Ngã Giao (Cơ sở 1), Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố H (có mặt).

- **Bị hại:** Ông Trần Đức A, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị); (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thanh T và ông Trần Đức A cùng làm phụ hồ cho công trình xây dựng nhà ở tại thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Khoảng 09 giờ, ngày 27/5/2023, ông Đức A đi vào trong phòng ở tại công trình để sạc pin chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme

5i, màu xanh của mình thì thấy T đang nằm nghỉ ở trong phòng. Sau khi cắm sạc pin chiếc điện thoại, ông Đức A đi ra ngoài tiếp tục làm việc, chỉ còn một mình T ở trong phòng. Lúc này, do biết được trong tài khoản của ông Đức A có nhiều tiền nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản của ông Đức A. T và ông Đức A ở cùng nhau nên T nhiều lần thấy ông Đức A bấm mật khẩu điện thoại là “123456” và ghi nhớ. Tuyến đi đến lấy chiếc điện thoại di động của ông Đức A bấm mật khẩu mở điện thoại ra xem thì thấy trong tài khoản của ông Đức A có hơn 57.000.000 đồng. Sau đó, T lấy chiếc điện thoại cất giấu trong túi quần rồi đi ra ngoài đường Quốc lộ 51 đón xe taxi đi đến tỉnh Bình Dương. Khi ngồi trên xe Tuyến vào điện thoại của Đức A đăng nhập vào Ứng dụng Banking của Ngân hàng A1 số tài khoản 5591205382292 của ông Đức A thực hiện chuyển tiền qua số tài khoản 5904205259278 mở tại Ngân hàng A1 của Tuyến 02 lần, lần một chuyển 57.000.000 đồng, lần hai chuyển 850.000 đồng. Số tiền trên, T đã dùng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất điện thoại, nghi ngờ là do T lấy, ông Đức A đến ngân hàng kiểm tra thì biết được tài khoản của mình bị chuyển mất số tiền 57.850.000 đồng. Sau đó, ông Đức A đã đến Công an xã T trình báo sự việc. Ngày 03/12/2025, Cơ quan công an làm việc được với T, qua làm việc Tuyến đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 162/KL-HĐ.ĐGTS ngày 03/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND Thị xã P kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme 5i, màu xanh, mua vào năm 2020. Tại thời điểm ngày 27/5/2023 tài sản có giá trị là: 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 105/CT-VKS-KV12 ngày 31/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trương Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Trương Thanh T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Về thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme 5i, màu xanh (đã qua sử dụng) của ông Đức A, sau khi trộm được điện thoại T tiếp tục sử dụng đến khi điện thoại bị hỏng và vứt bỏ, số tiền 57.850.000 đồng Tuyến đã tiêu xài cá nhân nên không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) cho ông Đức A. Ông Trần Đức A đã nhận tiền và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thanh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo nói lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do vậy đủ căn cứ kết luận:

Xét thấy: Khoảng 09 giờ ngày 27/5/2023, tại công trình xây dựng nhà ở tại thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), Trương Thanh T đã lợi dụng sơ hở của ông Trần Đức A, lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Realme 5i trị giá 1.550.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, bị cáo sử dụng mật khẩu đã biết trước để đăng nhập ứng dụng Banking của Ngân hàng A1 vào tài khoản ông Trần Đức A thực hiện 02 lần chuyển tiền vào tài khoản của T với tổng số tiền 57.850.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Trương Thanh T chiếm đoạt của ông Trần Đức A là 59.400.000 đồng (năm mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và mức hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo lợi dụng sự tin tưởng, quen biết trong quá trình cùng làm việc để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cũng cần xem xét việc quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại và bị hại đã có đơn xin bãi nại cho bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[4]. *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại và bị hại đã có đơn xin bãi nại cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Xét bị cáo làm thuê, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Trương Thanh T đã bồi thường số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) cho bị hại. Ông Trần Đức A đã nhận tiền và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về xử lý vật chứng:* 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme 5i bị cáo chiếm đoạt đã sử dụng đến khi hỏng và vứt bỏ, không thu hồi được; số tiền chiếm đoạt bị cáo đã tiêu xài hết nên không thu giữ được. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý vật chứng.

[8] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trương Thanh T **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/12/2025.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Đã giải quyết xong nên không xem xét.

3. *Về xử lý vật chứng:* 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme 5i bị cáo chiếm đoạt đã sử dụng đến khi hỏng và vứt bỏ, không thu hồi được; số tiền chiếm đoạt bị cáo đã tiêu xài hết nên không thu giữ được. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý vật chứng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Thanh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;;
- PV 06, PC 10- CA TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 12-TP Hồ Chí Minh;
- PTHA dân sự KV12- TP Hồ Chí Minh;;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Bảo Ngọc